

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *13669*/BTC-CST

Hà Nội, ngày *30* tháng 9 năm 2015

V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư  
thu phí kiểm định phương tiện  
phòng cháy, chữa cháy

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY BẮC	
Số: <i>3530</i>	Ngày: <i>01/10/15</i>
<b>ĐẾN</b>	<i>110...thông...</i>
Chuyên:	<i>Vấn đề</i>

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 823/BCA-C66 ngày 05/05/2015 của Bộ Công an đề nghị xây dựng Thông tư thu phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy.

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy. Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến đối với dự thảo Thông tư.

Ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày *30/10/2015*.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý cơ quan. / *h*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (P5). (*110*)



*h*  
Vu Thị Mai

**HÒA-TỐC** →

Số: /2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng  
phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy**

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 3 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 6 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, như sau:*

**Điều 1. Đối tượng nộp phí**

Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy thì phải nộp phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 2. Mức thu phí**

Mức thu phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy được thực hiện theo quy định tại Biểu phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy ban hành kèm theo Thông tư này.

Các chi phí vật tư, công tác phí cần thiết phát sinh khi kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy do tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định chi trả theo thực tế phát sinh, phù hợp quy định pháp luật.

**Điều 3. Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí**

1. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy có thẩm quyền và đơn vị được Bộ Công an cho phép thực hiện kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy là cơ quan thu phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy.

2. Phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, cơ quan thu phí được giữ lại 90% tiền phí thu được, nộp 10% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, tiêu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước (nếu có).

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (CST 5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

**BIỂU PHÍ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2015/TT-BTC ngày .../.../2015 của Bộ Tài chính)

Stt	Danh mục	Đơn vị	Mức thu (đồng)
<b>A</b>	<b>Phí kiểm định phương tiện mẫu</b>		
<b>I</b>	<b>Kiểm định phương tiện chữa cháy cơ giới</b>		
1	Xe chữa cháy thông thường:		
	Có téc nước đến 5m <sup>3</sup>	Xe	1.350.000
	Có téc nước từ trên 5m <sup>3</sup>	Xe	1.400.000
2	Xe thang chữa cháy	Xe	1.650.000
3	Xe cứu nạn cứu hộ	Xe	1.800.000
4	Xe thông tin ánh sáng	Xe	1.250.000
5	Máy bơm chữa cháy động cơ điện	Cái	200.000
6	Máy bơm chữa cháy động cơ đốt trong	Cái	250.000
7	Máy bơm duy trì áp lực của hệ thống chữa cháy	Cái	100.000
<b>II</b>	<b>Kiểm định phương tiện chữa cháy thông dụng</b>		
1	Vòi chữa cháy	m	150.000
2	Ống hút chữa cháy	m	200.000
3	Lăng chữa cháy:		
	Phun nước cầm tay	Cái	150.000
	Phun nước gắn cố định	Cái	150.000
	Phun bột cầm tay	Cái	150.000
	Phun bột gắn cố định	Cái	150.000
4	Đầu nối chữa cháy	Cái	600.000
5	Hai chạc, ba chạc chữa cháy	Cái	600.000
6	Ezctor chữa cháy	Cái	600.000
7	Giỏ lọc chữa cháy	Cái	600.000
8	Trụ nước chữa cháy (Loại nổi)	Cái	1.250.000
9	Cột nước, họng nước chữa cháy	Cái	900.000
10	Thang chữa cháy:		
	Thang dây	Cái	600.000
	Thang kim loại	Cái	850.000
11	Bình bột chữa cháy xách tay	Bình	550.000
12	Bình khí chữa cháy xách tay	Bình	400.000
13	Bình bột chữa cháy xách tay	Bình	700.000
14	Bình gốc nước chữa cháy xách tay	Bình	700.000
15	Bình bột chữa cháy có bánh xe	Chiếc	1.000.000

16	Bình khí chữa cháy có bánh xe	Chiếc	1.000.000
17	Bình bột chữa cháy có bánh xe	Chiếc	1.150.000
18	Bình gốc nước chữa cháy có bánh xe	Chiếc	1.200.000
<b>III</b>	<b>Kiểm định các chất chữa cháy</b>		
1	Chất bột chữa cháy	kg	800.000
2	Chất bột chữa cháy	kg	800.000
3	Dung dịch gốc nước CC	lít	800.000
<b>IV</b>	<b>Kiểm định vật liệu và chất chống cháy</b>		
1	Sơn chống cháy:		
	Giới hạn chịu lửa đến 90 phút	kg	2.500.000
	Giới hạn chịu lửa trên 90 phút	kg	3.100.000
2	Chất ngấm tẩm chữa cháy, chống cháy, nổ	kg	3.400.000
3	Cửa gỗ chống cháy:		
	Giới hạn chịu lửa đến 90 phút	m <sup>2</sup>	1.900.000
	Giới hạn chịu lửa trên 90 phút	m <sup>2</sup>	2.600.000
4	Cửa thép chống cháy và các loại vật liệu chống cháy khác:		
	Giới hạn chịu lửa đến 90 phút	m <sup>2</sup>	1.950.000
	Giới hạn chịu lửa trên 90 phút	m <sup>2</sup>	2.600.000
5	Van chặn lửa và các thiết bị ngăn lửa	Chiếc	1.550.000
<b>V</b>	<b>Kiểm định trang phục, thiết bị bảo hộ cá nhân</b>		
1	Quần áo chữa cháy thông thường	Bộ	800.000
2	Quần áo chữa cháy chuyên dụng	Bộ	1.100.000
3	Quần áo chữa cháy cách nhiệt	Bộ	1.350.000
4	Mũ chữa cháy, thắt lưng chữa cháy phục vụ cứu nạn	Cái	450.000
5	Ủng, giày ghệt chữa cháy	Bộ	450.000
6	Găng tay chữa cháy	Bộ	350.000
7	Mặt nạ phòng độc lọc độc	Bộ	1.100.000
8	Mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ	1.400.000
<b>VI</b>	<b>Kiểm định thiết bị cứu nạn, cứu hộ</b>		
1	Đệm cứu hộ	Bộ	650.000
2	Ống tụt cứu hộ	Bộ	600.000
<b>VII</b>	<b>Kiểm định công cụ hỗ trợ và dụng cụ phá dỡ</b>		
1	Thiết bị cắt thủy lực	Bộ	370.000
2	Dụng cụ phá dỡ đa năng chống tia lửa điện	Bộ	200.000
<b>VIII</b>	<b>Kiểm định các thiết bị thuộc hệ thống báo cháy tự động, bán tự động</b>		
1	Tủ báo cháy hệ kênh	Bộ	300.000
2	Tủ báo cháy hệ địa chỉ	Bộ	350.000
3	Đầu báo cháy, đầu báo dò khí các loại	Cái	450.000

4	Đầu báo nhiệt dạng dây	m	200.000
5	Nút ấn báo cháy; chuông báo cháy; đèn báo cháy, đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố các loại	Cái	300.000
<b>IX</b>	<b>Kiểm định hệ thống chữa cháy tự động, bán tự động bằng nước, bột</b>		
1	Đầu phun Sprinkler/Drencher	Cái	500.000
2	Tủ điều khiển bơm chữa cháy	Bộ	300.000
3	Van báo động kiểu ướt; van giám sát; van báo động khô	Cái	650.000
4	Công tắc áp lực; công tắc dòng chảy	Cái	600.000
<b>X</b>	<b>Kiểm định hệ thống chữa cháy tự động, bán tự động bằng khí, bột</b>		
1	Đầu phun khí, bột chữa cháy	Cái	800.000
2	Bình, chai chứa khí, bột	Bộ	800.000
3	Van chọn khu vực	Cái	800.000
4	Công tắc áp lực	Cái	750.000
6	Tủ điều khiển xả khí, bột	Cái	850.000
7	Nút ấn; chuông; đèn báo xả khí, bột	Cái	600.000
<b>B</b>	<b>Phí kiểm định phương tiện lưu thông</b>		10% mức phí kiểm định phương tiện mẫu